

Số: 01/2026/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 05 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 431/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân miền B.

Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT, ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Người được ông B ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành T – Chuyên viên xử lý nợ.

Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2025.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Phạm Thị Thanh T2 nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2109214346598 ngày 29/9/2021, mục đích mua xe ô tô. Dư nợ tính đến ngày 25/12/2025 là 205.885.865 đồng (Hai trăm linh năm triệu, tám trăm tám mươi năm nghìn, tám trăm sáu mươi năm đồng), trong đó nợ gốc 199.552.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng), nợ lãi 6.101.033 đồng (Sáu triệu, một trăm linh một nghìn, không trăm ba mươi ba đồng), lãi phát sinh 232.832 đồng (Hai trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng).

Đối với khoản vay thế tín dụng, dư nợ tạm tính đến ngày 25/12/2025 là 31.310.077 đồng (Ba mươi một triệu, ba trăm mười nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 26.284.079 đồng (Hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng), nợ lãi 5.025.998 đồng (Năm triệu, không trăm hai mươi năm nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng).

Tổng cả gốc và lãi của 02 khoản nợ tính đến ngày 25/12/2025 là 237.195.942 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm chín mươi năm nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng).

Kế hoạch trả nợ:

- Ngày 26/01/2026, bà T1 phải trả Ngân hàng số tiền 35.580.000 đồng (Ba mươi năm triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

- Ngày 26/02/2026, bà T1 phải trả Ngân hàng số tiền còn lại là 201.615.942 đồng (Hai trăm linh một triệu, sáu trăm mười năm nghìn, chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kể từ ngày 26/12/2025 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà T1 không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu BAIC, biển kiểm soát 89AH-280.24, số khung LNBMCUAK5MT139094; số máy A156T1HXDo1M212343 đứng tên bà Phạm Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2109214346596, ngày 28/9/2021 ký tại V1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thì bà T1 vẫn phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của bà T1, tự nguyện chịu cả số tiền 5.930.000 đồng (Năm triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 6.350.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002554, ngày 23/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh

